TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29/7/2026
Về việc "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông (bà) Nguyễn Thị Hồng Liên
2. Ông (bà) Nguyễn Thị Ngọc Huệ

- *Thư ký phiên tòa*: bà Nhâm Thị Thanh Trang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cần Thơ.

Ngày 29 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 349/2026/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2026 về *việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1278/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 508/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Trần Thị Thảo N**, sinh năm: 2004. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Ấp P, xã C, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông **Phan Văn V**, sinh năm: 1996. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: 386/11 khu vực G, phường A, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2026 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà Phạm Trần Thị Thảo N*:

Về hôn nhân: Bà Phạm Trần Thị Thảo N và ông Phan Văn V đăng ký kết hôn vào ngày 22/12/2023 tại UBND phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Cần Thơ) trên cơ sở tự nguyên, ban đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng không được bao lâu giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được dù đã nhiều lần hàn gắn. Thời gian sau đó bà Thảo N cùng con về nhà cha mẹ ruột sinh sống và từ đó bà N với ông V sống ly thân cho đến nay.

- Về con chung: Trong thời gian hôn nhân bà Thảo N và ông V có 01 con chung là cháu Phan Phúc A (nam), sinh ngày 11/12/2024. Sau ly hôn bà N có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Phan Văn V được triệu tập lệ nhưng vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cần Thơ nhận định:

[1] *Về thẩm quyền*: Bà Phạm Trần Thị Thảo N và ông Phan Văn V tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/12/2023 tại UBND phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Cần Thơ) là cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo luật định nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, phát sinh mâu thuẫn nên bà N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*". Vì bị đơn Phan Văn V đang thường trú tại 386/11 Khu vực G, phường A, thành phố Cần Thơ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

Khu vực 1 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông V được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ Luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Phạm Trần Thị Thảo N và ông Phan Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên đây được xem là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống bà N và ông V phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà N cho rằng hôn nhân của ông bà đã không hạnh phúc nên yêu cầu đơn phương ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia các buổi làm việc, hòa giải và phiên tòa, đồng thời không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không thể hiện mong muốn đoàn tụ hoặc có biện pháp nhằm duy trì quan hệ hôn nhân. Do đó, Tòa án đã không tiến hành hòa giải được và làm thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã động viên đoàn tụ nhưng bà Thảo N vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn, chứng tỏ hôn nhân giữa bà Thảo N và ông V đã không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và ông V cũng không đến tham dự các phiên hòa giải, phiên tòa chứng tỏ rằng bị đơn cũng không còn tha thiết gì về cuộc hôn nhân này.

Xét quan hệ hôn nhân, vợ chồng phải có nghĩa vụ cùng nhau xây dựng, duy trì đời sống chung trên cơ sở yêu thương, tôn trọng và quan tâm lẫn nhau. Theo lời trình bày của nguyên đơn, giữa các bên đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không còn chung sống và không còn khả năng khắc phục. Đây là một trong những căn cứ để Hội đồng

xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa các đương sự đã thực sự rạn nứt, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[4] *Về con chung*: Vì bị đơn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng nên căn cứ vào chứng cứ nguyên nguyên đơn cung cấp để xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung là cháu Phan Phúc A (nam), sinh ngày 11/12/2024, qua xem xét con chung chưa tròn 36 tháng tuổi nên cần ưu tiên cho mẹ nuôi dưỡng và nhằm đảm bảo về tính ổn định tránh sự xáo trộn nề nếp sinh hoạt cũng như lợi ích về mọi mặt của cháu, nên yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Nguyên đơn hiện tại không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có yêu cầu cấp dưỡng sẽ tách ra giải quyết thành một vụ kiện khác.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác định không có tài sản chung và tài sản nợ do không ghi nhận được ý kiến của bị đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét mà tách ra giai quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[6] *Về án phí*: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo của các đương sự được thực hiện theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 116 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Trần Thị Thảo N:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho bà Phạm Trần Thị Thảo N được ly hôn với ông Phan Văn V (Giấy chứng nhận kết hôn số 167 ký ngày 22/12/2023, do phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Cần Thơ)).

2. *Về con chung:* Giao con chung Phan Phúc A (nam), sinh ngày 11/12/2024 cho nguyên đơn Phạm Trần Thị Thảo N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn Phan Văn V được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không trực tiếp nuôi dưỡng mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của cháu Phúc A, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: nguyên đơn xác nhận không có tài sản chung và nợ chung. Vì xét xử vắng mặt bị đơn nên không xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

4. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: nguyên đơn Phạm Trần Thị Thảo N phải nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số 0008626 ngày 05/5/2026 của Thi hành án Thành phố Cần Thơ thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật thi hành án dân sự./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ,
- VKSND cùng cấp,
- THADS cùng cấp,
- UBND phường An Bình, TP. Cần Thơ.
- Các đương sự,
- Lưu.

Hồ Mỹ Xuân

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

…… …… **Hồ Mỹ Xuân**